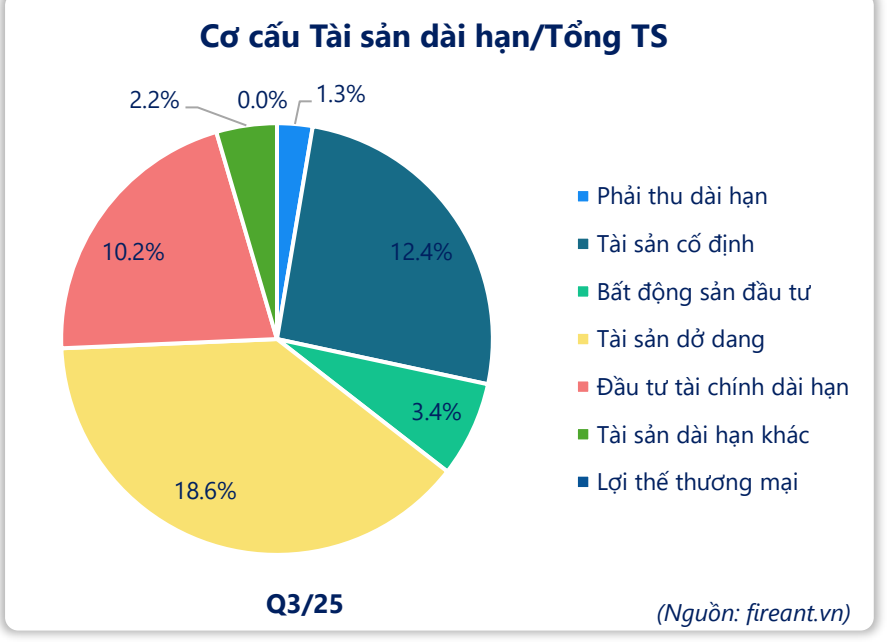
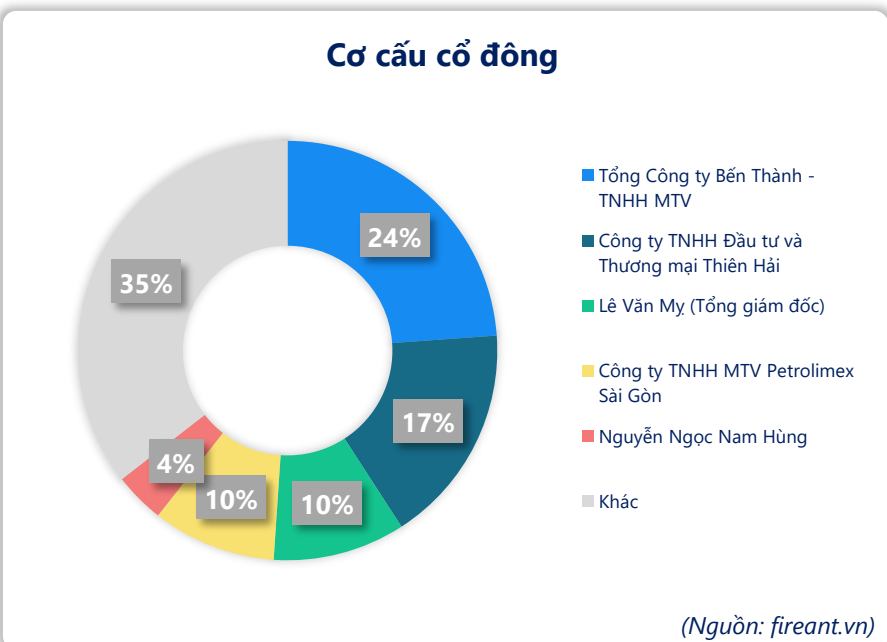
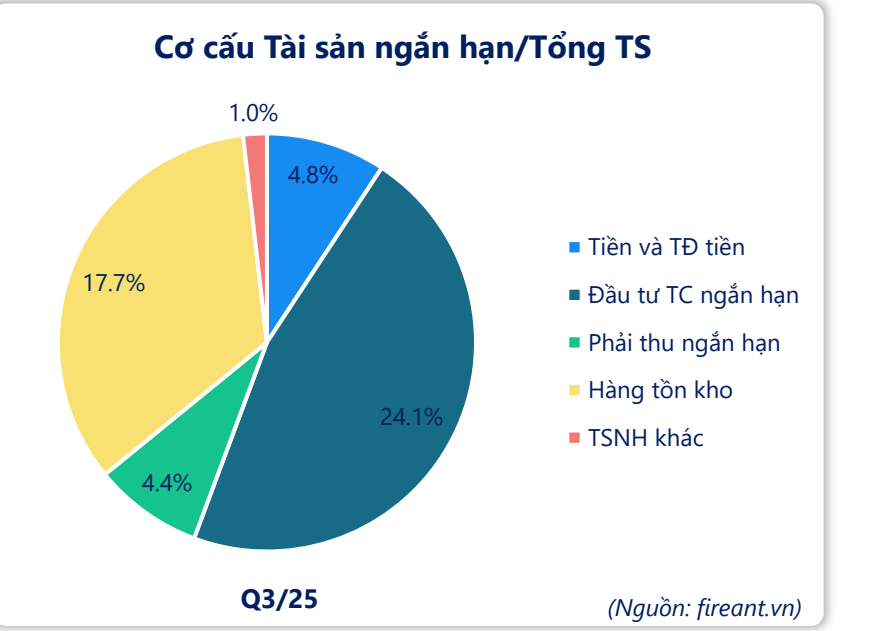
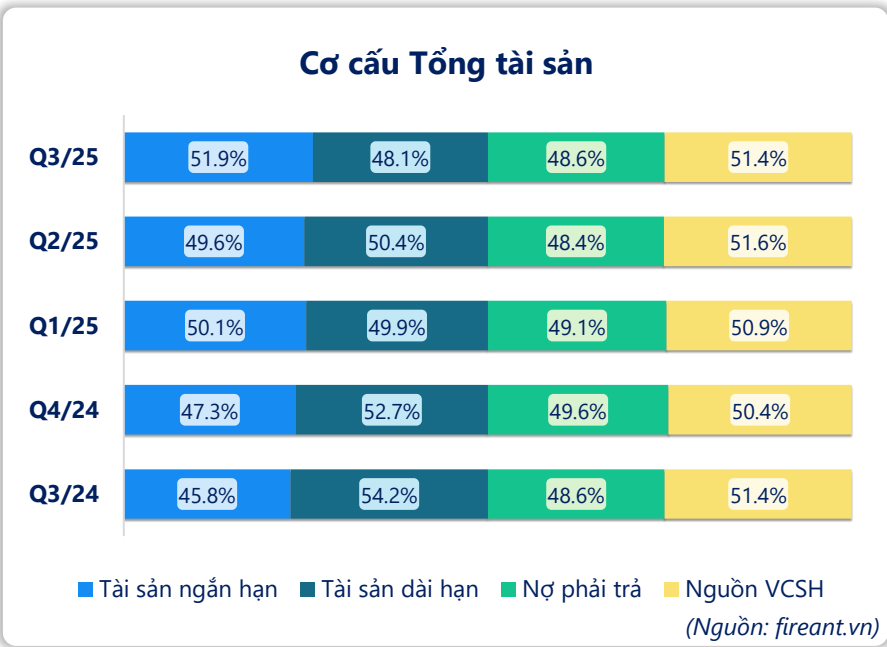
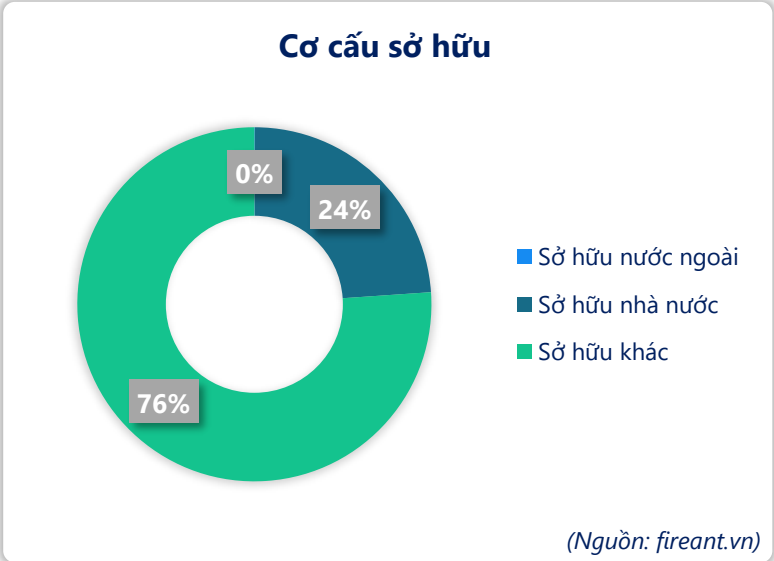
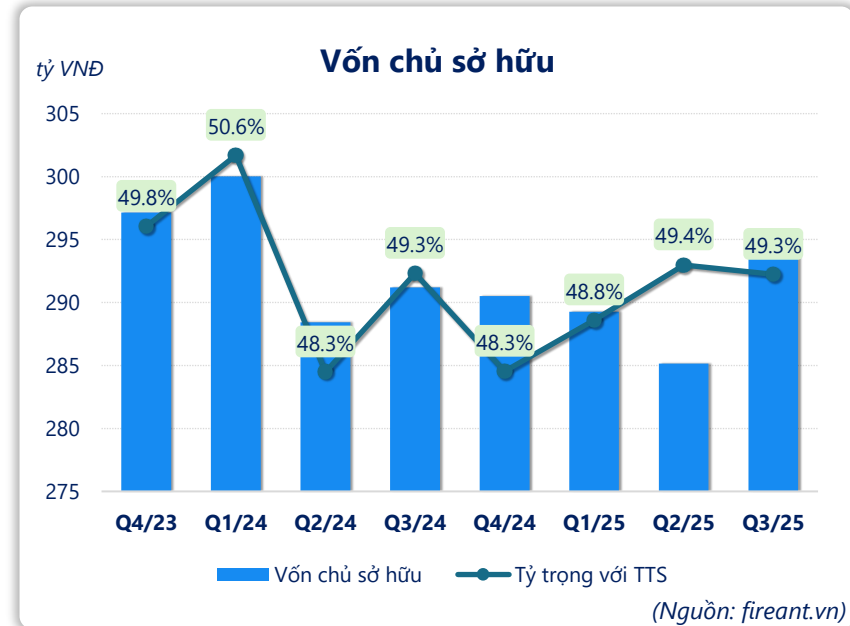
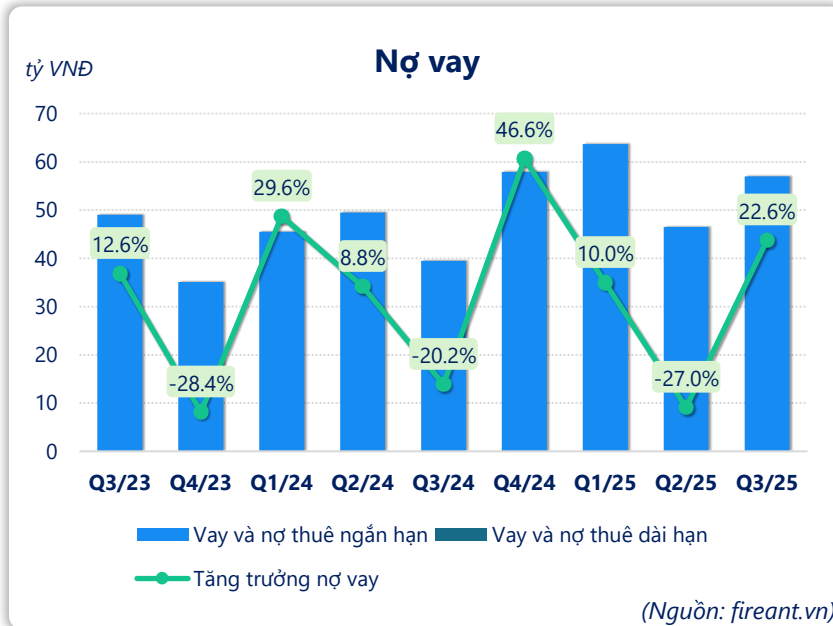
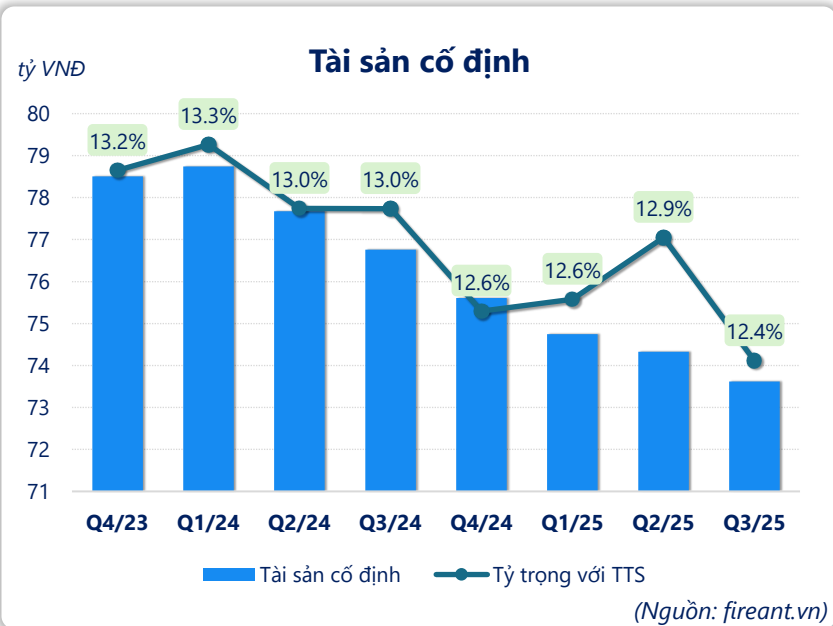
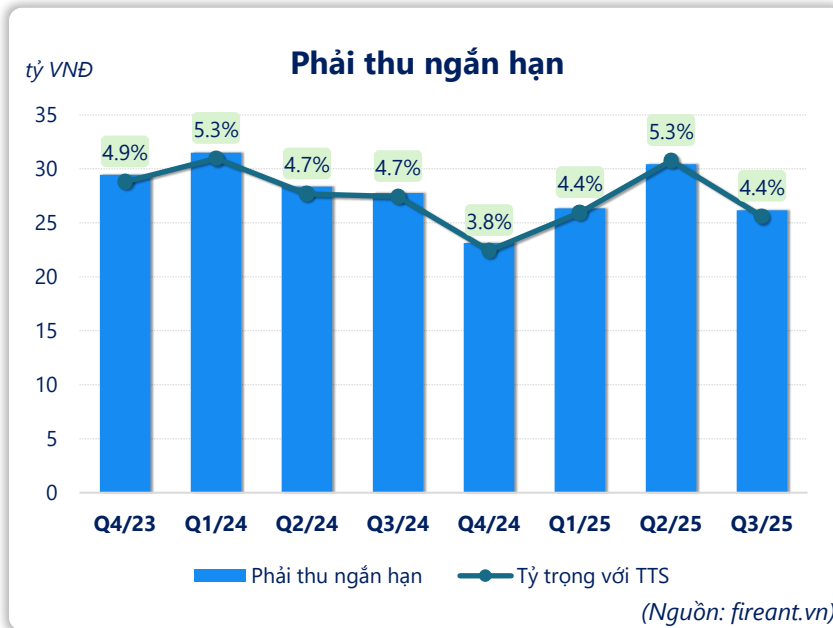
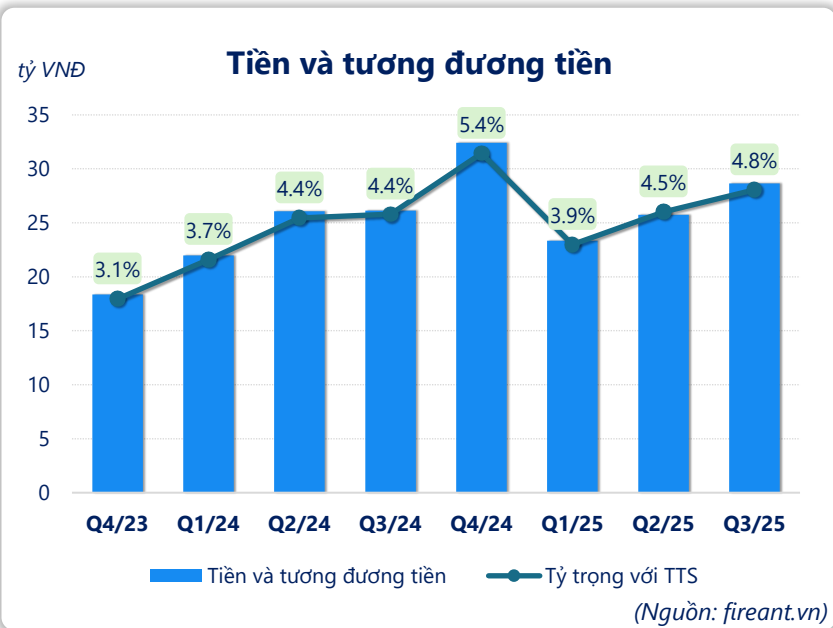
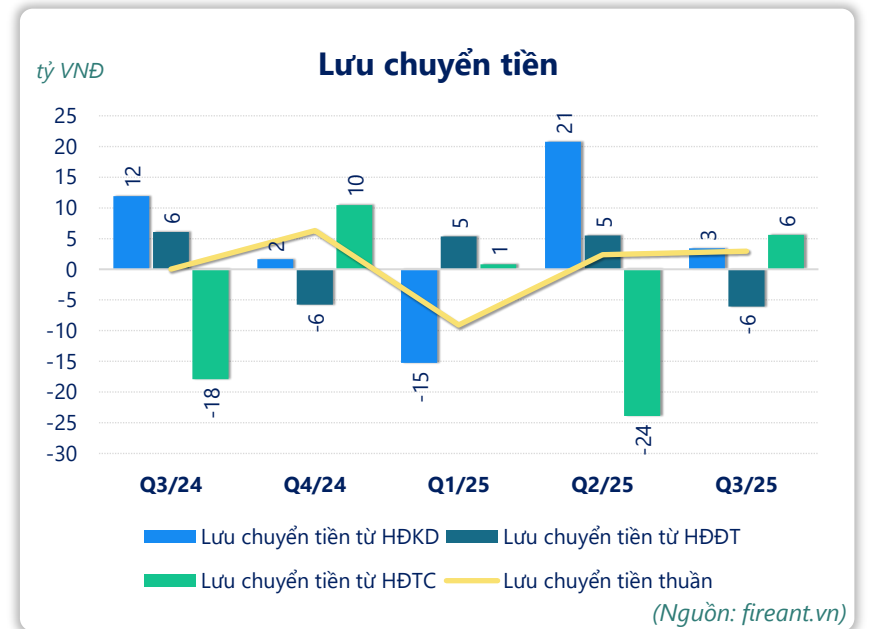
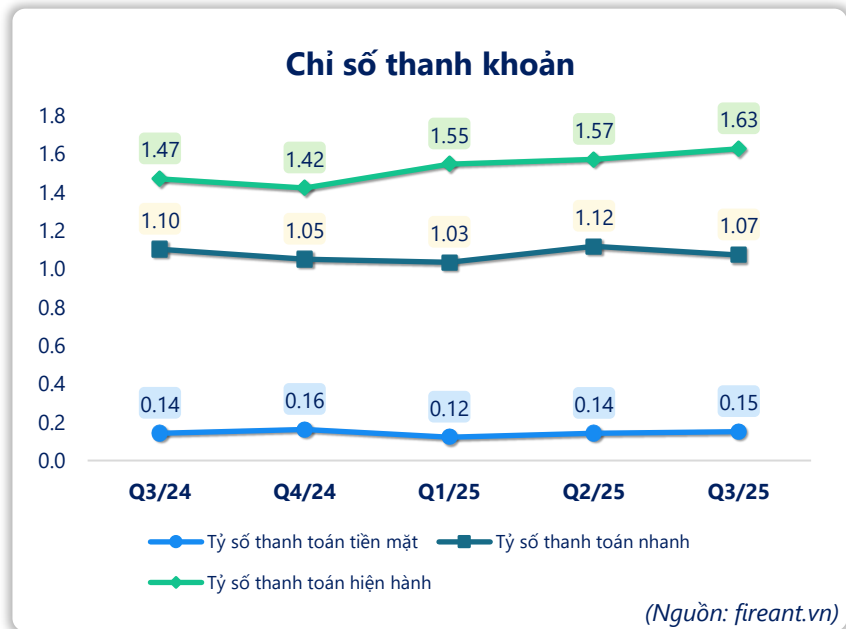
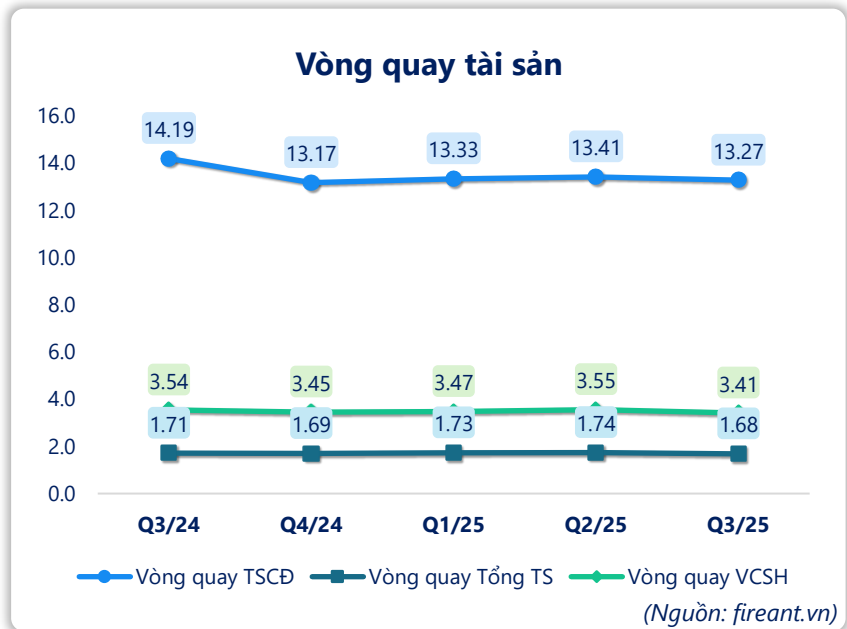
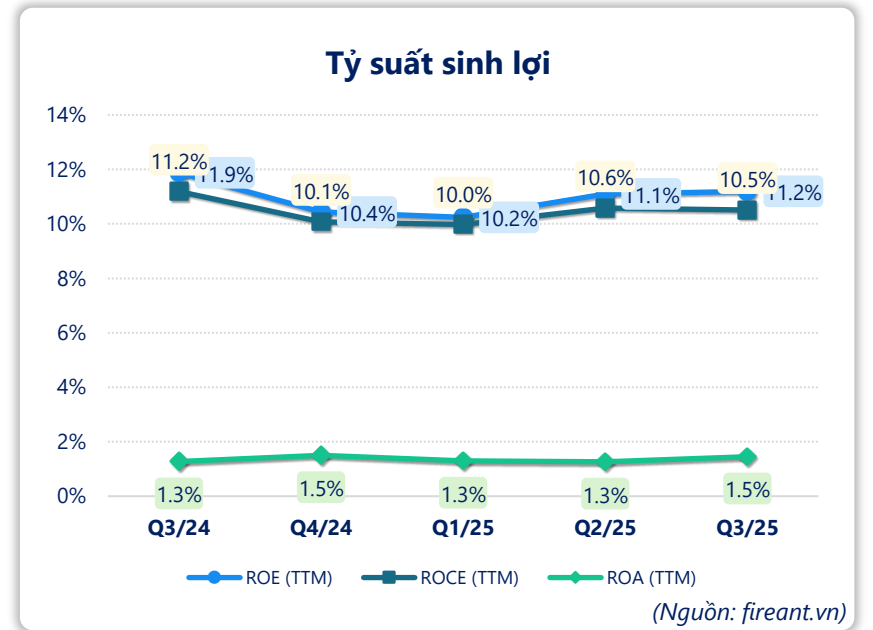
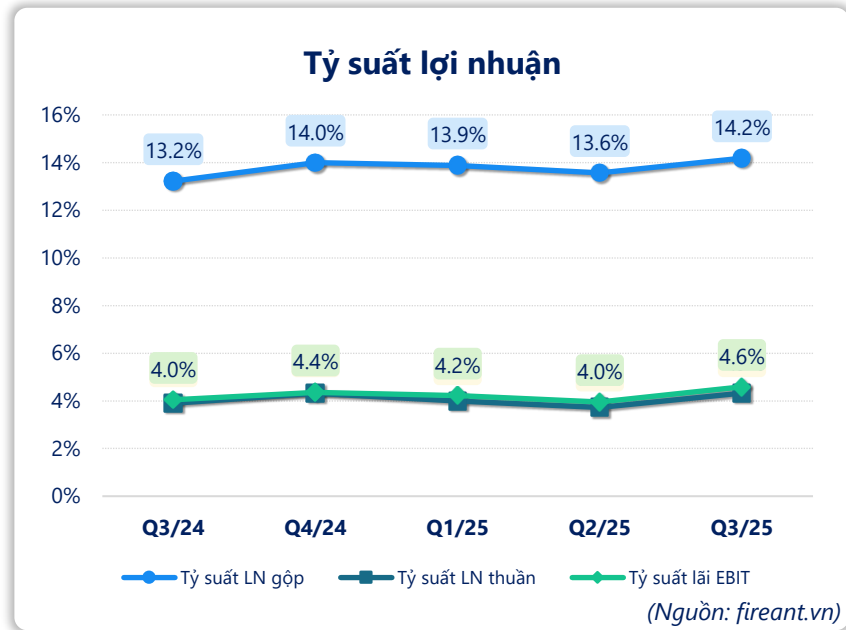
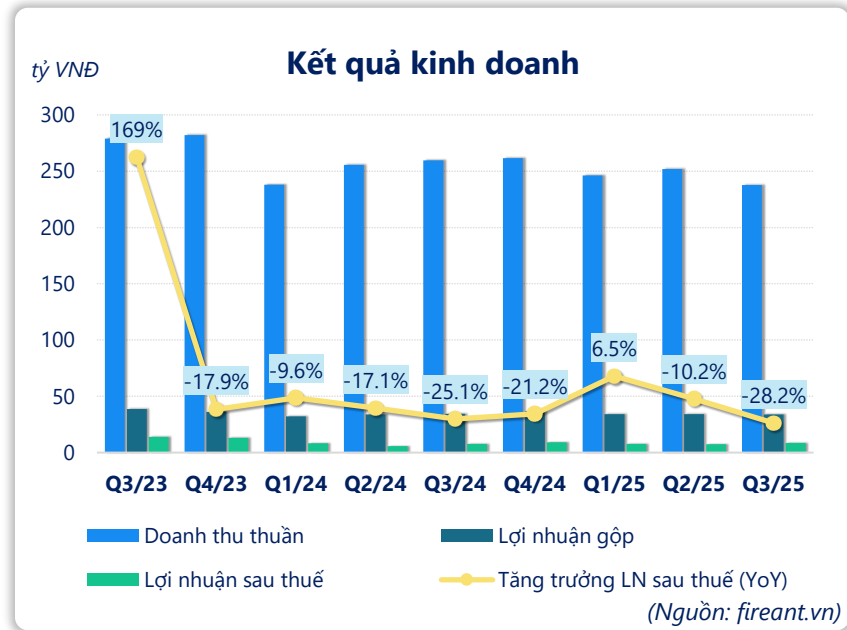


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,928
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,004
SL cổ phiếu LH		16,499,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)		90
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		414
P/E		12.6
EPS		1,985

	YTD	1T	3T	6T
HTC	-15.4%	-6.9%	-1.2%	4.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	596	602	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	310	285	8.7%
Tiền và tương đương tiền	28.7	32.4	-11.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	144	147	-2.0%
Phải thu ngắn hạn	26.2	23.1	13.0%
Hàng tồn kho	105	74.4	41.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.66	8.14	-30.4%
Tài sản dài hạn	286	317	-9.7%
Phải thu dài hạn	7.61	7.25	5.0%
Tài sản cố định	73.6	75.6	-2.6%
Bất động sản đầu tư	20.5	21.4	-4.1%
Tài sản dở dang	111	140	-20.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	60.6	59.5	1.8%
Tài sản dài hạn khác	13.0	13.5	-4.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	290	299	-3.1%
Nợ ngắn hạn	190	200	-5.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.0	57.9	-1.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.6	15.4	-24.5%
Nợ dài hạn	99.5	98.7	0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	306	303	1.1%
Vốn chủ sở hữu	294	291	1.1%
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	12.5	12.5	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	259	262	246	252	238
Giá vốn hàng bán	225	225	212	218	204
Lợi nhuận gộp	34.3	36.6	34.2	34.2	33.7
Doanh thu HĐTC	1.72	1.80	1.76	3.96	1.96
Chi phí TC	0.46	0.41	0.58	0.57	0.61
Chi phí lãi vay	0.46	0.41	0.58	0.57	0.61
LN trong công ty LKLD	0.08	0.67	0.21	0.04	0.83
Chi phí bán hàng	14.4	14.7	13.5	13.5	14.2
Chi phí QLDN	11.1	12.7	12.2	14.8	11.4
LN thuần từ HĐKD	10.1	11.3	9.83	9.39	10.3
Lợi nhuận khác	-0.10	-0.32	0.00	0.01	0.02
LN trước thuế	10.0	11.0	9.83	9.39	10.3
Lợi nhuận sau thuế	7.71	8.99	7.70	7.42	8.63
LNST của CĐ cty mẹ	7.71	8.99	7.70	7.42	8.63

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.9	1.62	-15.2	20.8	3.40
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.05	-5.77	5.35	5.50	-6.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.9	10.4	0.82	-23.9	5.58
Tiền đầu kỳ	26.1	26.1	18.4	9.28	25.7
Lưu chuyển tiền thuần	0.05	6.30	-9.07	2.39	2.92
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.1	32.4	9.28	25.7	28.7

(Nguồn: fireant.vn)